

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ V  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST

Ngày 19/02/2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Tâm

2. Ông Nguyễn Thanh Liêm

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lý Sơn Thanh Phong là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 19 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 273/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn 8, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: Ông Lưu Lực C, sinh năm 1983.

Địa chỉ: khu vực 3, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt, bị đơn ông Lưu Lực C vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông Lưu Lực C qua thời gian tìm hiểu và quen biết nhau, ông bà đã quyết định tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 21/6/2007. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2008 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp và vợ chồng đã ly thân từ năm

2009 đến nay. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với bị đơn ông Lưu Lực C.

Về con chung: Có 01 con chung, tên Lưu Tố K, sinh ngày 26/11/2007 (giới tính nữ), hiện nay con chung do bà nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

**Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.**

**Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.**

- Bị đơn ông Lưu Lực C trình bày: Về quan hệ hôn nhân ông và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn và không thể hàn gắn với nhau. Nay ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lưu Tố K (sinh ngày 26/11/2007, giới tính: nữ), ông đồng ý giao con chung cho bà H nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Về tài sản chung và nợ chung; không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự ghi ý kiến của con chung Lưu Tố K (sinh ngày 26/11/2007) thể hiện: Sau khi cha mẹ ly hôn, con có nguyện vọng được ở với mẹ là bà Nguyễn Thị H.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bị đơn ông Lưu Lực C đều có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên các yêu cầu, ý kiến đã thể hiện trong quá trình tiến hành tố tụng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện ông Lưu Lực C, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông C được ly hôn và nuôi con, nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Lưu Lực C có địa chỉ cư trú tại khu vực 3, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà H, bị đơn ông C đều có đơn xin xét xử vắng mặt, có lý do chính đáng, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông C theo quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Lưu Lực C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước đúng theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của bà H và ông C có giá trị pháp lý. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không thể hàn gắn được với nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà H có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông C và ông C

cũng đồng ý ly hôn, nên Tòa án giải quyết cho bà H ly hôn ông C là có căn cứ và đúng quy định tại Điều 56 Luật của hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung, tên Lưu Tố K, sinh ngày 26/11/2007 (giới tính nữ), hiện nay con chung do bà H nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn ông C đồng ý giao con chung cho bà H nuôi dưỡng và cháu K cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Xét, từ khi ly thân đến nay bà H đã nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục tốt con chung, nên Tòa án quyết định giao cháu K cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp với quy định pháp luật và nguyện vọng của con. Giành cho ông C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông C chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do bà H không có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung: Bà H, ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bà H và ông C khai thống nhất không có, không yêu cầu xem xét giải quyết, nên Tòa án không giải quyết.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu 300.000 đồng, căn cứ quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, **khoản 1 Điều 228, Điều 238** Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; **Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;**

Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Lưu Lực C.

2. Về con chung: Giao con chung Lưu Tố K, sinh ngày 26/11/2007 (giới tính nữ) cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Giành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Lưu Lực C không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lưu Lực C chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do bà Nguyễn Thị H không yêu cầu.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét. Về nợ chung: Các đương sự khai thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006202 ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V thành án phí.

5. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, bị đơn ông Lưu Lực C vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND TP. V;
- Cơ quan THADS TP. V;
- **UBND xã Đ, h B, tỉnh Bình Phước;**
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**Trần Thị Phương**